

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Văn S; Sinh năm: 1999

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị H; Sinh năm: 1998

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn S1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh S1 và chị Bùi Thị H được gia đình hai bên cưới hỏi theo phong tục của địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/6/2020. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, chị H đi làm ăn xa và không muốn trở về nhà, vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh S1 và chị H đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân T (Giới tính: Nam); sinh ngày 23/4/2018 và Bùi Đức T1 (Giới tính: Nam); sinh ngày: 30/3/2021. Ly hôn, anh S1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh S1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn S1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/6/2020. Vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ, chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh S1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân T (Giới tính: Nam); sinh ngày 23/4/2018 và Bùi Đức T1 (Giới tính: Nam); sinh ngày: 30/3/2021. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và giao cháu T1 cho anh S1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn S1 và chị Bùi Thị H được ly hôn; Về con chung: Giao cháu Bùi Xuân T, sinh ngày 23/4/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Đức T1, sinh ngày 30/3/2021 cho anh S1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng chị H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ vắng mặt chị H và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị H theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị H.

[4]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn S1 và chị Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 02/6/2020 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ đi làm ăn, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh S1 và chị H đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này, cả anh S1 và chị H đều thừa nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Nay cả anh S1 và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Bùi Văn S1 và chị Bùi Thị H được ly hôn.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Xuân T, sinh ngày 23/4/2018 và Bùi Đức T1, sinh ngày: 30/3/2021. Khi ly hôn, anh S1 và chị H đều thống nhất giao cháu T1 cho anh S1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Đây là sự tự nguyện của anh S1 và chị H, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7]. Về tài sản: Anh S1 và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[8]. Về án phí: Anh S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn S1 và chị Bùi Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Xuân T (Giới tính: Nam), sinh ngày 23/4/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Đức T1 (Giới tính: Nam), sinh ngày: 30/3/2021 cho anh S1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh S1 và chị H có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn S1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số 0002389 ngày 10/10/2024. Anh S1 đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Bùi Văn S1, vắng mặt chị Bùi Thị H. Anh S1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

